TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07- 8 - 2019
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương- là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 697/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Huỳnh Thị L,** sinh năm 1989.

HKTT: Ấp N, xã T, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau;

Tạm trú: Ấp M1, xã M2, huyện Đ, tỉnh Long An;

2. Bị đơn: **Ông Trương Tuấn A,** sinh năm 1988.

HKTT: xã T2, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Tạm trú: ấp M1, xã M2, huyện Đ, tỉnh Long An.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Huỳnh Thị L trình bày:

Bà L và ông Trương Tuấn A tiến đến hôn nhân sống chung với nhau từ năm 2012, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau vào ngày 04/5/2015. Sau khi kết hôn, bà L và ông Ông A sống chung với cha mẹ chồng, thời gian đầu cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, nguyên nhân do ông Ông A thường xuyên cờ

bạc, không chăm lo làm ăn, bà nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả, cuộc sống không còn hạnh phúc nên bà đã đưa con chuyển ra ngoài sống riêng khoảng 03 tháng nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Tuấn A.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà L và ông Ông A có 01 con chung tên Trương Huỳnh Kim Y, sinh ngày 12/9/2015, hiện tại cháu Y đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Ông A cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con, cụ thể bà làm công nhân thu nhập mỗi tháng khoảng 13.000.000 đồng, sau khi ly hôn bà ở trọ gần công ty và nhờ mẹ ruột lên ở cùng để giữ con trong thời gian đi làm. Thời gian làm việc của bà từ 07 giờ sáng đến khoảng 17 giờ chiều, không làm đêm nên có thể trực tiếp chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Trương Tuấn A trình bày:

Ông Trương Tuấn A thống nhất lời trình bày của bà L về thời gian cưới, thời gian chung sống, về đăng ký kết hôn. Trong thời gian vợ chồng chung sống, theo ông là không có mâu thuẫn lớn, ông thừa nhận trước đây có chơi cờ bạc nhưng nay đã bỏ. Trước đây ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung như bà L trình bày là Trương Huỳnh Kim Y, sinh ngày 12/9/2015. Từ khi vợ chồng bỏ nhau đến nay lúc cháu Y ở với bà L, lúc ở với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng. Ông có đủ điều kiện chăm sóc con chung, cụ thể ông làm công nhân trong giờ hành chính từ 08 giờ sáng đến khoảng 18 giờ chiều, thu nhập ổn định khoảng 20.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dược thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị L nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Trương Tuấn A có địa chỉ tạm trú tại xã M2, huyện Đ nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị L và ông Trương Tuấn A tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 04/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà L do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, nguyên nhân do ông Ông A tham gia cờ bạc, không chăm lo làm ăn, bà khuyên giải nhưng không có kết quả, cuộc sống không còn hạnh phúc nên bà đã chuyển ra ngoài sống riêng khoảng 03 tháng nay. Tại phiên tòa, ông Trương Tuấn A xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn với bà L. Việc thuận tình ly hôn giữa bà L và ông Ông A là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị L và ông Trương Tuấn A có 01 con chung tên Trương Huỳnh Kim Y, sinh ngày 12/9/2015, bà L và ông Ông A đều yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng.

Xét thấy, các đương sự đều cung cấp bảng lương thể hiện mức thu nhập trên 10.000.000 đồng/tháng có đủ khả năng nuôi con. Bà L và ông Ông A có thời gian làm việc và hiện tại đều đang ở trọ như nhau. Tuy nhiên, cháu Y là con gái, còn nhỏ nên cần thiết có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, ngoài ra tại phiên tòa các đương sự đều xác định hiện cháu Y đang ở chung với bà L. Do đó để đảm bảo sự ổn định về tâm lý và phát triển bình thường của cháu Y. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà L giao con chung cho bà Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Ông A không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị L và ông Trương Tuấn A đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà L đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Huỳnh Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị L và ông Trương Tuấn A.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị L được trực tiếp nuôi con chung tên Trương Huỳnh Kim Y, sinh ngày 12/9/2015, giới tính: Nữ. Ông Trương Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Tuấn A có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông Ông A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Huỳnh Thị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bà Huỳnh Thị L cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông Ông A trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bà L, ông Ông A, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị L và ông Trương Tuấn A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003027 ngày 02/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà Huỳnh Thị L đã nộp đủ án phí.

Bà Huỳnh Thị L và ông Trương Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
-UBND xã T, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Dương Thị Tuyết Nhung